**BÀI 38: HỆ NỘI TIẾT Ở NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.

- Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết và cách phòng chống các bệnh đó; vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

- Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (tiểu đường, bướu cổ do thiết iodine,…)

**2. Về năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*Chủ động, tự tìm hiểu về hệ nội tiết ở người thông qua sách giáo khoa và các kênh thông tin khác.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV trong khi thảo luận tìm hiểu về hệ nội tiết: vị trí, chức năng các tuyến nội tiết, một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Giải quyết vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

***Năng lực riêng:***

*- Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:* Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết; nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine…) và cách phòng chống các bệnh đó.

*- Năng lực tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên:* Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine…).

*- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* dụng hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

**3. Về phẩm chất**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

- Cẩn thận, trung thực và khách quan trong học tập

- Tích cực tuyên truyền bảo vệ sức khỏe.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tranh câm các tuyến nội tiết dành cho 2 đội chơi

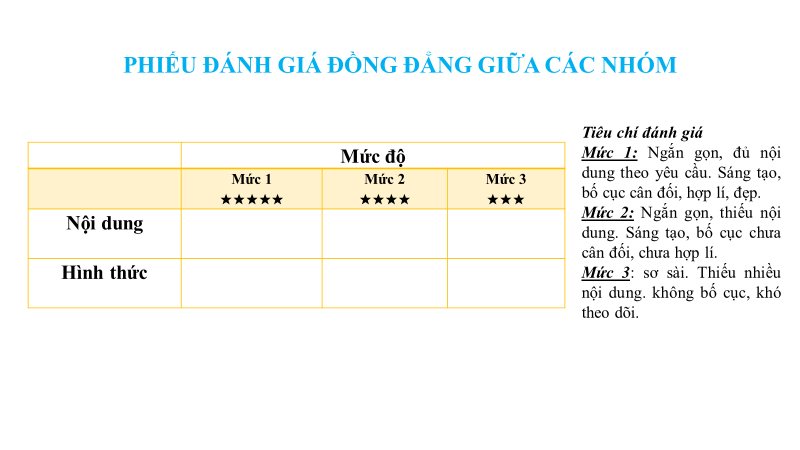
- Các thẻ ghi tên các tuyến nội tiết (2 bộ)

- Các hình ảnh theo sách giáo khoa

- Phiếu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuyến nội tiết** | **Chức năng** |
| 1. Tuyến yên |  |
| 2. Tuyến giáp |  |
| 3. Tuyến tụy |  |
| 4. Tuyến trên thận |  |
| 5. tuyến sinh dục |  |

- Phiếu đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm



**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài

- Tìm hiểu các tuyến nội tiết theo nhóm chuyên gia (trước tiết 1)

+ Nhóm chuyên gia 1: tuyến yên và tuyến giáp

+ Nhóm chuyên gia 2: tuyến tụy và tuyến trên thận

+ Nhóm chuyên gia 3: tuyến sinh dục (nam và nữ).

- Tìm hiểu một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (trước tiết 2)

+ Nhóm 1,2 : tìm hiểu bệnh đái tháo đường

+ Nhóm 3,4 : tìm hiểu bệnh bướu cổ do thiếu iodine

+ Theo các nội dung: nguyên nhân, biểu hiện , hậu quả và đề xuất biện pháp phòng chống

+ Hình thức trình bày: thể hiện sáng tạo trên powepoint hoặc giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a. Mục tiêu:**Đưa ra các câu hỏi thực tế gần gũi để khơi gợi hứng thú học tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV tổ chức học sinh tham gia trò chơi: “LẬT MẢNH GHÉP” trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học trước đồng thời dẫn dắt học sinh vào bài học mới .

**Câu 1**: Cấu tạo hệ thần kinh gồm?

A. Bộ phận trung ương và bộ phận ngoại biên B. Bộ phận trung ương và bộ phận cảm giác

C. Bó sợi vận động và bó sợi cảm giác D. Bộ phận cảm giác và bộ phận ngoại biên

**Câu 2:** Các thành phần cấu tạo nên bộ phận trung ương thần kinh là?

A.Tủy sống và các dây thần kinh

B. Não bộ và các dây thần kinh

C. Não bộ, tủy sống và các dây thần kinh

D. Não bộ và tủy sống

**Câu 3**: Cầu mắt cấu tạo gồm mấy lớp màng?

A. 5 lớp

B. 4 lớp

C. 2 lớp

D. 3 lớp

**Câu 4**: Đâu là nguyên nhân gây ra cận thị ?

1. Do cầu mắt quá dài 2. Do cầu mắt ngắn

3. Do thể thủy tinh bị lão hóa 4. Do thường xuyên nhìn vật với khoảng cách quá gần

A. 1, 4

B. 2, 4

C. 1, 3

D. 2, 3

**Câu 5:** Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là

A. màng cơ sở.

B. màng tiền đình.

C. màng nhĩ.

D. màng cửa bầu dục.

**Câu 6**: Để bảo vệ tai, chúng ta cần lưu ý điều nào sau đây ?

A. Súc miệng bằng nước muối sinh lý thường xuyên để phòng ngừa viêm họng, từ đó giảm thiếu nguy cơ viêm tai giữa.

B. Vệ sinh tai sạch sẽ bằng tăm bông, tránh dùng vật sắc nhọn vì có thể gây tổn thương màng nhĩ.

C. Tránh nơi có tiếng ồn hoặc sử dụng các biện pháp chống ồn (dùng bịt tai, xây tường cách âm…).

D. Tất cả các phương án trên.

Đáp án: 1. A; 2. D; 3. D; 4. A; 5. C; 6. D

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS lần lượt chọn các mảnh ghép

- Trả lời các câu hỏi liên quan đến các mảnh ghép.

- Trả lời đúng miếng ghép được lật mở.

- Nêu được nhân vật trong bức tranh bí ẩn là ai.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Các học sinh phát biểu, nhận xét, đánh giá

**Bước 4: Kết luận và nhận xét:**

Chốt lại đáp án, nêu nhân vật trong bức tranh đó là Kosen – người đàn ông cao nhất thế giới. Kết hợp với tình huống SGK giáo viên đặt vấn đề vào bài.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về các tuyến nội tiết trong cơ thể***

**a. Mục tiêu:**

- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.

- Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết và cách phòng chống các bệnh đó; vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG DỰ KIẾN** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV Giao nhiệm vụ: thông báo luật chơi trò chơi *“Tiếp sức đồng đội”.*  HS quan sát hình 38.1 ghi nhớ tên và vị trí các tuyến nội tiết.  + Thành lập 2 đội chơi, mỗi đội 4 HS tham gia chơi.  + Mỗi HS lên chọn một tấm thẻ có ghi tên một loại tuyến dán vào tranh câm, sau đó về vị trí, lần lượt HS khác lên thực hiện nhiệm vụ.  + Đội nào hoàn thành nhanh và chính xác sẽ là đội chiến thắng.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** GV : hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ  + HS : tham gia trò chơi.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV: chiếu đáp án, HS đánh giá kết quả các đội chơi.  + Khen thưởng đội chiến thắng  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  Từ nội dung hoạt động giáo viên tổ chức học sinh rút ra kết luận. | **I. Các tuyến nội tiết trong cơ thể người**  - Một số tuyến nội tiết trong cơ thể người: tuyến yên, tuyến giáp, tuyến tụy và tuyến trên thận . |
| **\*/ Tìm hiểu chức năng các tuyến nội tiết**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + Vòng 1 : nhóm chuyên gia  Thống nhất trong nhóm nội dung đã được tìm hiểu theo phân công ở tiết trước; cử đại diện chia sẻ.  + Vòng 2: Nhóm mảnh ghép  Các chuyên gia chia sẻ nội dung đã tìm hiểu về chức năng các tuyến nội tiết.  Thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên :  + Thảo luận trong nhóm chuyên gia thống nhất nội dung chức năng tuyến nội tiết được phân công ở tiết trước.  + Chuyên gia chia sẻ thông tin trong nhóm mảnh ghép.  + Nhóm mảnh ghép thảo luận hoàn thành phiếu học tập.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Giáo viên chiếu kết quả 1, 2 nhóm  + Gọi đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV chốt lại đáp án chuẩn phiếu học tập.  + Từ hoạt động trên giáo viên cho học sinh rút ra kết luận : nêu chức năng các tuyến nội tiết? | - Một số tuyến nội tiết tiết hoocmon vận chuyển theo đường máu tác động đến cơ quan đích giúp điều hòa hoạt động của các cơ quan, duy trì ổn định môi trường trong cơ thể.  - Đáp án phiếu học tập |
| **ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP**   |  |  | | --- | --- | | **Tuyến nội tiết** | **Chức năng** | | 1. Tuyến yên | Điều hòa hoạt động các tuyến nội tiết khác và quá trình sinh trưởng của cơ thể. | | 2. Tuyến giáp | Điều hòa quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng của tế bào | | 3. Tuyến tụy | Điều hòa lượng đường ở trong máu | | 4. Tuyến trên thận | Tăng nhịp tim, co mạch, tăng nhịp hô hấp, dãn phế quản , góp phần điều hòa đường huyết, các muối khoáng, đặc tính sinh dục nam … | | 5. tuyến sinh dục | Tham gia điều hòa các quá trình sinh sản, gây biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì. | | |

***Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết***

**a. Mục tiêu:**

- Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine…).

- Vận dụng hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu:  + Các nhóm được giao nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà theo sự phân công  Nhóm 1,2 : tìm hiểu bệnh đái tháo đường  Nhóm 3,4 : tìm hiểu bệnh bướu cổ do thiếu iodine  + Các thành viên trong nhóm thảo luận thống nhất lại các nội dung đã tìm hiểu, cử đại diện báo cáo  + Các nhóm khác theo dõi phần trình bày của nhóm bạn: ghi chép lại những thông tin chính về các bệnh (nguyên nhân, biểu hiện, biện pháp phòng chống)  **\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + GV: hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.  + HS: hoạt động nhóm thống nhất nội dung đã chuẩn bị, cử đại diện báo cáo.  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +GV: tổ chức HS đại diện nhóm báo cáo kết quả  + Các học sinh còn lại theo dõi để nhận xét và bổ sung. Nêu câu hỏi thắc mắc  + GV: phát phiếu đánh giá, tổ chức học sinh các nhóm đánh giá chéo theo các tiêu chí đánh giá.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định:**Từ nội dung báo cáo của các nhóm, giáo viên yêu cầu học sinh rút ra kết luận:  Nêu biểu hiện và biện pháp phòng chống bệnh đái tháo đường và bướu cổ do thiếu iodine?  - GV cho HS vận dụng kiến thức đề xuất các biện pháp bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình. | **II. Một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết**  **1. Bệnh đái tháo đường**  **2. Bệnh bướu cổ do thiếu iodine** |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức học sinh tham gia trò chơi “ Hộp quà bí mật” hoàn thành bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?

A.Tuyến sinh dục

B.Tuyến yên

C.Tuyến giáp

D.Tuyến tuỵ

Câu 2. Hiện tượng “người khổng lồ” có liên quan mật thiết đến việc dư thừa hoocmôn nào?

A.GH

B.FSH

C.LH

D.TSH

Câu 3. Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn nào dưới đây ?

A.Tirôxin

B.Ôxitôxin

C.Canxitônin

D.Glucagôn

Câu 4. Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn nào dưới đây ?

A.GH

B.Glucagôn

C.Insulin

D.Ađrênalin

Câu 5. Loại hoocmôn nào gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới ?

A.Ôxitôxin B.Prôgestêrôn C.Testôstêrôn D.Ơstrôgen

Đáp án bài tập trắc nghiệm : 1.B; 2. A; 3. A; 4. C; 5. C

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm gồm các HS trong 1 bàn) và giao các nhiệm vụ: thảo luận trả lời các câu hỏi sau và ghi chép lại câu trả lời vào vở bài tập:

1/ Liên hệ bản thân , quan sát lựa chọn các dấu hiệu em thấy xuất hiện ở nam và nữ khi bước vào tuổi dậy thì.

2/ Xác định dấu hiệu nào là quan trọng và cần lưu ý khi ở tuổi dậy thì?  
**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- HS học bài

- Tìm hiểu một số bệnh nội tiết thường gặp ở địa phương theo gợi ý bảng 38.1

**Bảng 38.1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên bệnh, tật | Số người mắc | Nguyên nhân | Biện pháp phòng chống |
|  |  |  |  |

- Đọc và tìm hiểu bài 39 .